TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **245**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 14 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 187/2025/TLST-VHNGĐ ngày 17/02/2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Trần Thị Băng T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A, khu phố A, phường TM, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: B, tổ B, khu phố B, phường TT (nay là khu phố C, phường TM), thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hai vợ chồng ông bà tự nguyện yêu thương, sống chung với nhau vào năm 2001 đã đi đăng ký kết hôn tại UBND phường TT (nay là phường TM), thành phố BH, được UBND phường TT (nay là phường TM), thành phố BH cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng không hòa thuận, tình cảm nay cũng không còn, vợ chồng cảm thấy không thể chung sống với nhau,

mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà viết đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho vợ chồng ông bà được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 (*một*) con chung tên Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 28/9/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Băng T và ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Băng T và ông Nguyễn Văn K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005706 ngày 24/01/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Băng T và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (*một*) con chung tên Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 28/9/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Băng T và ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Băng T và ông Nguyễn Văn K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005706 ngày 24/01/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Tân Tiến(nay là phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCNKH 121 ngày 27/11/2001);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc